

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGŨ NGUYÊN CỦA "QUA", "BẬU" TRONG PHƯƠNG NGỮ TRUNG, PHƯƠNG NGỮ NAM BÙI TRỌNG NGOẠN*

TÓM TẮT: Bài viết tập hợp các ý kiến về ngữ nghĩa và ngữ nguyên của hai từ “qua”, “bậu” trong các bài báo phổ thông, bài báo khoa học trên các phương diện: phạm vi giao tiếp, phong cách chức năng ngôn ngữ của các từ “qua”, “bậu”; khu vực địa lí sử dụng của các từ “qua”, “bậu”; nghĩa sử dụng và từ loại của các từ “qua”, “bậu”; ngữ nguyên của từ “qua”, từ “bậu”. Tiếp đó, bài viết khảo sát các thông tin về hai từ này trong các từ điển tường giải, từ điển phương ngữ, từ điển từ cổ, từ điển đối chiếu... nhằm xác lập những ý kiến có độ tin cậy cao của các nhà ngữ học. Trên cơ sở các thông tin đa diện, đa chiều đó, bài viết nêu chủ kiến của tác giả về từ nguyên của “qua”, “bậu” trong phương ngữ Trung và phương ngữ Nam. Theo cách hiểu của tác giả bài viết, “qua”, “bậu” hầu như chỉ hiện diện trong phương ngữ Trung và phương ngữ Nam và chủ yếu là từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào, đồng thời xác tín: “qua” có khả năng là một từ tiếng Chăm “kau” (“tôi”, “tao”) được Việt hóa, trong khi đó “bậu” là một từ cổ có nguồn gốc tiền Mon - Khmer.

TỪ KHÓA: từ nguyên; qua; bậu; phương ngữ Trung; phương ngữ Nam.

NHẬN BÀI: 10/04/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/06/2024

1. Đặt vấn đề

Từ thập niên 40 của thế kỉ XX, từ những công trình của Lê Văn Hòe (“Tầm nguyên từ điển”, Nxb Quốc học thư xã, 1941), Long Điền Nguyễn Văn Minh (“Việt ngữ tinh hoa từ điển”, Nxb Quảng Văn Thành, 1950) đến những công trình của Lê Ngọc Trụ (“Tầm nguyên tự điển Việt Nam”, Nxb TP HCM, 1993), Vương Hồng Sển (“Tự vị tiếng Việt miền Nam”, Nxb Trẻ, 1999), Lê Gia (“Tiếng nói nôm na”, Nxb Văn Nghệ TP.HCM, 1999) Bửu Kế (“Tầm nguyên tự điển”, Nxb Thanh niên, 2005), An Chi (trong các tập “Chuyện Đông, chuyện Tây” Nxb Trẻ, 2006, “Những tiếng trông qua cửa các nhà sầm”, Nxb Trẻ, 2004, “Rong chơi miền chữ nghĩa”, Nxb TP HCM, 2016 và tập “Từ nguyên”, Nxb TP HCM, 2019), cùng với các bài viết của các tác giả Nguyễn Cung Thông, Lê Minh Quốc, Hoàng Tuấn Công..., từ nguyên học càng ngày càng được quan tâm. Nhất là từ khi có Internet, nhu cầu thông tin càng lớn thì những câu hỏi về từ nguyên càng được quan tâm rộng rãi. Trong không khí ấy, đại từ nhân xưng “qua” trong lời nói của doanh nhân Đặng Lê Nguyên Vũ, hay đại từ nhân xưng “bậu” trong lời bài hát “Bậu ơi đừng khóc” lại được công luận bàn thảo. Tiếp tục chủ đề ấy, chúng tôi xây dựng bức tranh toàn cảnh các cách kiến giải về hai từ này trên bình diện nghĩa sử dụng và ngữ nguyên của chúng, khảo cứu địa bản, cộng đồng dân tộc sử dụng chúng... từ đó đề xuất cách hiểu của mình về ngữ nguyên của hai từ này.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khái niệm phương ngữ Trung, phương ngữ Nam

Trong Việt ngữ học, trong hơn một thế kỉ vừa qua, đã có một số cách phân chia hệ thống phương ngữ tiếng Việt. Trong bài viết này, chúng tôi dựa vào cách xác định các vùng phương ngữ của Hoàng Thị Châu: phương ngữ Bắc dùng trong giao tiếp ở Bắc Bộ, phương ngữ Trung dùng trong giao tiếp ở các tỉnh Bắc Trung Bộ từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên, phương ngữ Nam, dùng trong giao tiếp ở các tỉnh từ Đà Nẵng đến Cà Mau [Hoàng Thị Châu, 2009, tr.87-90].

2.2. Từ “qua” và từ “bậu” trong một số bài báo

Trong những năm gần đây, các từ xưng hô “qua”, “bậu” đã được một số tác giả kiến giải về các phương diện nghĩa biểu đạt, tính chất phương ngữ, màu sắc phong cách chức năng và ngữ nguyên của chúng. Sự có mặt thành đôi của “qua”, “bậu” đã chứng tỏ chúng là cặp đại từ song ứng như tao - mày, anh - em, tôi - bạn. Khác với những thông tin cơ bản về từ trong từ điển (từ loại, nghĩa biểu vật,

*PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: buitrongngoan@gmail.com

nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu thái), từ trong đời sống là từ ở trạng thái hoạt động hành chức, vì vậy qua các bài báo mới thấy được năng lực hoạt động của "qua", "bậu" trên các phương diện: phạm vi giao tiếp, phong cách chức năng ngôn ngữ; khu vực địa lí sử dụng; nghĩa sử dụng và từ loại; ngữ nguyên.

Dưới đây chúng tôi lược thuật một số bài báo khoa học, bài báo phổ thông đã đề cập về ngữ nghĩa, hoặc cả về ngữ nghĩa và ngữ nguyên của hai từ "qua", "bậu" trong phương ngữ Trung, phương ngữ Nam. Cũng cần nói thêm rằng, trên mạng internet còn có một số bài liên quan tới hai từ này nhưng chúng tôi không đưa vào phần khảo sát vì không bảo đảm chuẩn tắc của nguồn dẫn.

Trong số bài báo khoa học, bài báo phổ thông đề cập về các từ "qua", "bậu", có những bài không đề cập về từ nguyên của "qua", "bậu" mà chỉ xác định từ loại, nghĩa sử dụng và tính chất phương ngữ của chúng, như "Từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ" của Huỳnh Kim Tường Vi, Thạch Thị Hoàng Ngân (Tập chí Ngôn ngữ số 8 năm 2012, tr.75) và "Gọi bạn là bậu" của Lê Minh Quốc, (tuoitreonline 02/09/2017). Tiếp tục chủ đề này, bốn năm sau đó, trong bài "Từ qua với bậu như trăng xế chiều", (cand.com.vn 25/08/2021), Lê Minh Quốc đã đặt một "inter title": "Có thật đó là một từ địa phương Nam Bộ?"; trong đó, tác giả đã nêu các dẫn chứng nhằm xác định "qua" được dùng ở Quảng Nam, Quảng Bình, Phú Yên và được tập hợp trong "Việt Nam từ điển" của Hội Khai trí Tiến Đức, 1931, trong "Đại Nam quốc âm tự vị", 1895, của Huỳnh Tịnh Của.

Bên cạnh đó là các bài báo vừa xác định nghĩa sử dụng, từ loại, tính chất phương ngữ vừa đề cập về ngữ nguyên của "qua", "bậu" như: "Qua, bậu - dấu ấn lưu dân" của Nguyễn Trung Hiếu, (baolaodong ngày 09/11/2012), "Cách nói tôi, ta, tao, tớ, qua, min... Tiếng Việt thời LM De Rhode, phần 2" của Nguyễn Cung Thông, (<https://trieuxuan.info/Cach-noi-toi-ta-tao-to-qua-min-04/10/2018>), bài báo "Các giáo sư ngôn ngữ giải mã lối xưng hô "qua" của Đặng Lê Nguyên Vũ" của Thảo Anh (baolaodong 14/08/2018), bài báo "Lắt léo chữ nghĩa - Nguồn gốc của đại từ Qua" của An Chi, (baothanhvien 17/03/2017), bài báo "Bậu và qua" của Nguyễn Văn Trần, (<http://viethocjournal.com/2021/03/bau-va-qua/>).

Từ các bài báo đó, chúng tôi tổng hợp được bốn nội dung sau:

Thứ nhất, phạm vi giao tiếp, phong cách chức năng ngôn ngữ của các từ "qua", "bậu": Các từ "qua", "bậu" được sử dụng trong giao tiếp thường nhật, thân mật, gần gũi; thường được nam giới sử dụng khi nói với người khác ít tuổi hơn hoặc khi tỏ bày tình cảm cá nhân, (cũng có trường hợp nữ giới tự xưng "qua" như ở ví dụ của Lê Minh Quốc). Về phương diện phong cách chức năng ngôn ngữ "qua", "bậu" chỉ tồn tại trong phong cách ngôn ngữ hội thoại và phong cách ngôn ngữ văn chương.

Thứ hai, khu vực địa lí sử dụng của các từ "qua", "bậu": Đa phần các ý kiến đều cho rằng "qua", "bậu" là từ địa phương vùng Trung Nam bộ, hoặc ở phạm vi rộng hơn là phương ngữ Nam bộ. Riêng Lê Minh Quốc đã chứng minh, khu vực địa lí các từ "qua", "bậu" được sử dụng là từ Quảng Bình vào đến hết Tây Nam Bộ.

Thứ ba, nghĩa sử dụng và từ loại của các từ "qua", "bậu": "qua" có nghĩa là tôi, tao, anh; "bậu" có nghĩa là "mày", "em"; "qua", "bậu" đều là đại từ xưng hô, ngôi 1 và ngôi 2, không dùng với tư cách danh từ thân tộc.

Thứ tư, về ngữ nguyên của từ "qua", từ "bậu": Trong các bài báo này hiện diện bốn quan điểm về ngữ nguyên của từ "qua":

(i) "Qua" là một từ có nguồn gốc từ tiếng Hán. Nguyễn Trung Hiếu dẫn Lê Ngọc Trụ cho rằng "qua" do từ "vá" theo giọng Triều Châu của từ "ngã" (tôi). Cùng quan điểm đó, Nguyễn Cung Thông cho rằng "qua" tương ứng với dạng [ua2] giọng Triều Châu (Mân Nam) và "ngã" Hán Việt với nghĩa "tôi / ta / tao". Theo tác giả Thảo Anh, 2018, (trong bài báo đã dẫn), Nguyễn Văn Lợi khẳng định: "Theo tôi, từ này không phải từ thuần Việt mà rất có thể là mượn từ tiếng Hán nhưng không phải tiếng Quan thoại - tiếng Hán chính danh của Trung Quốc. Đó là mượn phương ngữ phía Nam của Trung Quốc như vùng Quảng Đông, Phúc Kiến... từ những người Việt gốc Hoa chẳng hạn." An Chi cho rằng, nó là một từ gốc Hán nhưng không phải là từ được vay mượn từ tiếng Triều Châu, Quảng Đông: "Chúng tôi đồng ý với Nguyễn Văn Lợi rằng "qua" không phải là từ thuần Việt nhưng lại không đồng ý rằng nó được mượn từ ngôn ngữ của những người Việt gốc Hoa vì nó đã được ghi nhận tại cột 615 trong Từ điển Việt Bồ La của A. de Rhodes từ năm 1651. (Những từ mượn của

người Việt gốc Hoa thì xuất hiện muộn hơn). (...) Từ “qua” của tiếng Việt và tiếng Mường ra đời ra đời chính là trong giai đoạn Việt Mường chung và là một từ Việt - Mường gốc Hán, mà chúng tôi cho là bắt nguồn từ chữ/ từ “ngã” có nghĩa là “tôi/ chúng ta”. Nguyễn Văn Trần cũng cho rằng từ “qua”, “biến âm từ tiếng “quá” (hóa) giọng Triều Châu của từ “ngã” - “tôi”.

(ii) “Qua” là một từ có nguồn gốc từ tiếng Mường. Nguyễn Trung Hiếu dựa theo “Từ điển từ cổ” của Vương Lộc để khẳng định: “Từ “qua” là của người Mường (kwa) có nghĩa là “tôi, ta, chúng ta””. Cũng như vậy, Nguyễn Cung Thông cho rằng: “Tiếng Mường Bi (Hòa Bình) còn dùng “qua” với nghĩa là “chúng tôi/ chúng tao/ chúng tớ”, có thể là dấu vết của “qua” đã được Việt Bồ La ghi nhận”.

(iii) “Qua” là một từ có nguồn gốc từ tiếng Việt cổ có liên hệ với tiếng Mạ. Nguyễn Trung Hiếu cũng đã dẫn Bình Nguyên Lộc trong “Lột trần Việt ngữ”: “Đại từ “qua” là từ ngữ cổ Việt còn giữ lại nơi tiếng dân tộc Mạ”.

(iv) “Qua” là một từ thuần Việt. Trong bài báo đã dẫn, Thảo Anh trích lời Lê Phương Nga: “Từ này theo tôi là thuần Việt, vì nguyên tắc những tiếng dùng đơn không bắt nguồn từ tiếng Hán, vì tiếng Hán không dùng độc lập được. Trong trường hợp này, ông Vũ nói tiếng cổ Nam Bộ với nghĩa thân tình cũng không sao”. Cũng theo Thảo Anh, Phạm Văn Tình khẳng định: ““Qua” là phương ngữ hoàn toàn thuần Việt. “Qua” sử dụng tương tự như từ “tao”, thân tình, bổ bã với nhau, người trên nói với người dưới. Từ này cũng chỉ có đàn ông lớn tuổi dùng, phụ nữ cũng không sử dụng.”.

Tuy nhiên, theo thiên ý của chúng tôi, ở đây, cần nêu rõ quan niệm thế nào là từ thuần Việt. Theo cách phân chia các lớp từ vựng tiếng Việt xét theo nguồn gốc của Nguyễn Thiện Giáp (từ thuần Việt, từ gốc Hán, từ gốc Ấn - Âu) thì từ thuần Việt là từ bản địa, bao gồm những đơn vị từ vựng tương ứng với tiếng Mường, với các ngôn ngữ Tày - Thái, với các ngôn ngữ Môn - Khmer. (2016, tr.236-255). Nếu hiểu như vậy sẽ thấy cách xác định tư cách từ thuần Việt của đại từ “qua” của các nhà nghiên cứu Lê Phương Nga, Phạm Văn Tình cũng không nằm ngoài phạm vi “qua” có nguồn gốc từ ngôn ngữ Việt - Mường hay Tày - Thái và các ngôn ngữ Môn - Khmer.

Trong các bài báo này hiện diện ba quan điểm về ngữ nguyên của từ “bậu”:

a) “Bậu” có nguồn gốc từ tiếng Mường và tiếng Tày- Nùng. Nguyễn Trung Hiếu, 2012, trong bài báo đã dẫn, đã dựa theo Vương Lộc (trong “Từ điển từ cổ”) cho rằng : “Từ “bậu” cũng là tiếng của người Mường và Tày - Nùng: “pậu” = “người ta, chúng nó”. Từ người con trai gọi vợ, gọi người yêu hay người ít tuổi hơn mình”.

b) “Bậu” có nguồn gốc từ tiếng Tày - Nùng. Nguyễn Cung Thông trong phần chú thích cho bài viết đã dẫn kể trên, ở chú thích 20, có ghi về “bậu” và ông cho là theo đa Nam tiến giống như “qua” vậy: Tiếng Tày - Nùng dùng “pậu” để chỉ “tôi, người ta, họ, bạn”. Nguyễn Văn Trần (trong bài báo đã dẫn) đã tra cứu “Từ điển nguồn gốc tiếng Việt” của Nguyễn Hy Vọng để xác định: “Người Nùng có tiếng “bậu” nghĩa là “em” (...). Người Thái có tiếng “phậu” cũng theo nghĩa tương tự”. Nguyễn Văn Trần suy đoán: “Có lẽ tiếng “phậu” của Thái vào ngôn ngữ của người Nùng rồi đứng đó, không ảnh hưởng lên ngôn ngữ Việt Nam. Còn tiếng “phậu” theo người Miên, theo quân Xiêm La vào Miền Nam tạo thành tiếng “bậu” trong Nam Kỳ.”

c) “Bậu” là từ ngữ cổ Việt còn giữ lại trong tiếng nói người Mạ. Nguyễn Trung Hiếu đã nhắc lại ý kiến của tác giả “Lột trần Việt ngữ”: “Bình Nguyên Lộc trong “Lột trần Việt ngữ” xếp hai đại từ “qua”, “bậu” là từ ngữ cổ Việt còn giữ lại nơi tiếng dân tộc Mạ”.

2.3. Từ “qua” và từ “bậu” trong một số từ điển

2.3.1. Từ “qua” và từ “bậu” trong một số từ điển tường giải phổ thông, từ điển phương ngữ

Nhằm dựng lại các cách hiểu về ngữ nghĩa, ngữ nguyên của các từ “qua”, “bậu” dưới góc độ học thuật, chúng tôi lược thuật những ghi chép về chúng trong một số từ điển tường giải phổ thông và từ điển phương ngữ (được trích dẫn ở Bị chú 1).

Về phương diện từ loại của “qua”, “bậu”, các tác giả từ điển đều xác định chúng là đại từ. “Qua” dùng cho ngôi thứ nhất, “bậu” dùng cho ngôi thứ hai. Riêng Phạm Văn Hảo cho rằng trong phương ngữ Quảng Nam, “bậu” dùng cho cả hai ngôi.

Về phương diện ngữ nghĩa, các tác giả từ điển đều xác định “qua”, “bậu” có nghĩa là: “Tôi - bạn”, “tao - mày, em”, “chồng - vợ”, nam tâm tình với nữ, gần gũi, thân thiết.

Về tính chất phương ngữ của “qua”, “bậu”: Nhóm tác giả Hội Khai trí Tiến Đức cho rằng “qua” là từ vựng toàn dân, “bậu” là tiếng miền Nam; Thanh Nghị cũng viết “qua” là tiếng miền Nam; Hoàng Phê cũng ghi nhận “qua”, “bậu” là phương ngữ. Trong các từ điển phương ngữ của Nguyễn Văn Ái, 1994, Huỳnh Công Tín, 2007, Phạm Văn Hảo, 2009, Phạm Văn Hảo, 2017 đều có tập hợp “qua”, “bậu”.

Về tính chất ngữ nguyên, Huỳnh Tịnh Của xác định “bậu” là tiếng Nôm, Thanh Nghị cho rằng “bậu” là từ cũ.

Bị chú 1: Dưới đây là những kiến giải về từ “qua” và từ “bậu” trong các từ điển đó:

+ Alexandre de Rhodes, “Từ điển An Nam - Bồ Đào Nha - La tinh”, bản dịch của Đỗ Quang Chính, Hoàng Xuân Việt, Thanh Lăng, 1991, Nxb KHXH, HN: “Qua: Tôi, khi người trên nói với người dưới.” [Cột 615 theo bản gốc; tr. 185 theo bản dịch]. “Bậu: Bạn.” [cột 30 theo bản gốc; tr.37 theo bản dịch].

+ Huỳnh Tịnh Của, 2018, “Đại Nam quốc âm tự vị”, Nxb Tổng Hợp TPHCM: “Qua, bậu: Tao, mầy (tiếng bậu bạn nói cùng nhau, hoặc nói với trẻ nhỏ).” [tập 2, tr.214]. “Bậu: (Nôm), Em, mầy.” [tập 1, tr.43].

+ Hội Khai trí Tiến Đức, 1931, “Việt Nam tự điển”, Nxb Trung Bắc Tân Văn: “Qua: Ta, chúng ta. Qua đi chơi với bậu.” [tr.449]. “Bậu: Tiếng trong Nam, cũng như tiếng “em” hay “mầy”, có ý thân thiết như anh chị nói với em, chồng nói với vợ: *Bậu đi với qua (mầy đi với tao).*” [tr.40].

+ Thanh Nghị, 1967, “Việt Nam tân từ điển minh họa”, Nxb Khai trí: “Qua: đại từ, ta, bậc anh, chú, bác xưng với kẻ dưới (theo tiếng miền Nam).” [tr.1086]. “Bậu: đại từ, từ xưa, từ cũ.” [tr.102].

+ Hoàng Phê cb, 1997, “Từ điển tiếng Việt”, Nxb Đà Nẵng: “Qua: đ. Ph, kng. Từ người lớn tuổi dùng để tự xưng một cách thân mật khi nói với người vai em, vai dưới. *Qua đây là bạn của má.*” [tr.768]. “Bậu: đ. Ph. Từ người con trai dùng để gọi vợ hay người yêu khi nói với vợ, với người yêu, (tỏ ý thân thiết). *Áo đen năm nút viền tà. Ai may cho bậu hay là bậu may.*” [tr.50].

+ Nguyễn Văn Ái cb, 1994, “Từ điển phương ngữ Nam Bộ”, Nxb TPHCM: “Qua: đt. Tiếng người chồng tự xưng hô với vợ hoặc người lớn tuổi tự xưng hô với người ít tuổi.” [tr.460]. “Bậu: đt. Tiếng gọi người yêu, tỏ ý thân thiết, nay ít dùng.” [tr.80].

+ Nguyễn Nhã Bản cb, 1999, “Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh”, không có “qua”, “bậu”.

+ Huỳnh Công Tín, 2007, “Từ điển Từ ngữ Nam Bộ”, Nxb KHXH: “Qua: đt, từ người lớn dùng để tự xưng một cách thân mật với người nhỏ, hoặc cách tự xưng có đôi chút tính chất khách quan nhưng thân tình.” [tr.998]. “Bậu: đt, tiếng gọi người tiếp chuyện với mình, khác giới tính, có ý thương mến, thân mật, cách nói xưa; “qua, bậu” được dùng xưng gọi trong quan hệ vợ chồng, người yêu.” [tr.153].

+ Phạm Văn Hảo cb, 2009, “Từ điển phương ngữ tiếng Việt”, Nxb KHXH: “Qua: N. đ. 1. Từ xưng hô thân mật, thường là cách xưng của người lớn tuổi hơn đối với người ít tuổi hơn hoặc vai dưới. (...).2. Chúng tao.” [tr.344]. “Bậu: T, N. đ.1. Bạn bè thân thiết. 2. Người yêu thương gần gũi.” [tr.47].

+ Phạm Văn Hảo, 2017, “Từ điển phương ngữ tiếng Quảng Nam”, Sở KH&CN tỉnh Quảng Nam xuất bản: “Qua: đ. Tôi, ta (từ xưng hô thân mật).” [tr.228]. “Bậu: đ.1. Từ tự xưng (một cách thân mật), (...) .2. Từ gọi bạn (một cách thân mật).” [tr.58].

2.3.2. Từ “qua” và từ “bậu” trong một số từ điển từ nguyên, từ điển từ cổ

Chúng tôi đã khảo sát từ nguyên của “qua”, “bậu” trong các từ điển: “Tầm nguyên từ điển Việt Nam” của Lê Ngọc Trụ, 1993, “Từ điển nguồn gốc tiếng Việt” của Nguyễn Hy Vọng, 2012. “Từ điển từ cổ” của Vương Lộc, 2002, “Từ điển từ Việt cổ” của Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện, 2010, (được trích dẫn ở Bị chú 2).

+ Về từ nguyên của “qua”, chỉ có Lê Ngọc Trụ xác định là “wá” trong tiếng Triều Châu. Vương Lộc xác định “qua” trong tiếng Việt cũng là “kwa”, trong tiếng Mường. Nguyễn Hy Vọng chỉ đưa ra các từ tương tự qua trong các ngôn ngữ liên cận: Trong tiếng Mường, “qua” là “chúng tôi”; trong tiếng Hmong “qua” là “chúng tôi”; trong tiếng Thái có từ “wa” - “tôi, ta, tao đây”; trong tiếng Chăm,

“wa” - “bác”, anh của cha hay mẹ; trong tiếng Mon “wa” id, “kwa” - “người bạn”. Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện không tập hợp từ này.

+ Về từ nguyên của “bậu”, Lê Ngọc Trụ không tập hợp từ “bậu”. Vương Lộc xác định trong tiếng Mường có từ “pậu”, trong tiếng Tày Nùng có từ “pậu” đều có nghĩa là “người ta, chúng nó”. Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện nêu “bậu” có 2 nghĩa nhưng không xác định từ nguyên. Nguyễn Hy Vọng xác định “bậu” là “mày, em” dùng theo cách thân mật và chỉ ra trong tiếng Nùng có từ “bậu”; trong tiếng Thái có từ “phậu”.

Bị chú 2: Dưới đây là những diễn giải về từ “qua” và từ “bậu” trong các từ điển đó.

+ Lê Ngọc Trụ, 1993, “Tâm nguyên tự điển Việt Nam”, Nxb TPHCM: “Qua: (Wá Triều Châu, ngo Quảng Đông, ngã Hán Việt. Tôi, ngôi thứ nhất số ít). Từ của người lớn tuổi xưng hô thân mật khi nói chuyện với người thuộc vai em cháu. *Thật rui quá, hôm đó qua đi vắng khi em ghé nhà thăm.*” [tr.714].

+ Nguyễn Hy Vọng, 2012, “Từ điển nguồn gốc tiếng Việt”: “Qua: Tiếng tự xưng của người đàn ông lớn tuổi. Qua đây tôi đây, ta đây, tao đây; Mường qua *chúng tôi*; Hmong: qua *chúng tôi*; Thái wa qua, tôi, ta, tao đây; Chăm wa bác, anh của cha hay mẹ; Mon wa id, kwa người bạn.” [tr.1458]. “Bậu mày, em (tiếng thân mật); Nùng bậu; Thái phậu.” [tr.94].

+ Vương Lộc, 2002, “Từ điển từ cổ”, Nxb Đà Nẵng: “Qua dt. (Mường: kwa, có nghĩa “tôi, ta, chúng ta”). Từ người chồng tự xưng với vợ hoặc người lớn tự xưng với người ít tuổi. (...) *Bậu nói với qua bậu không lang cha, Vỡ lở ra rồi đành dạ bậu chưa* (cd).” [tr.136]. “Bậu: d. (Mường: pậu; Tày Nùng: pậu là “người ta, chúng nó”). Từ người con trai dùng để gọi vợ, gọi người yêu hoặc người ít tuổi hơn mình. *Từ thuở bậu vẫy duyên can hệ, may mắn nhờ đủ mẹ đủ cha* (Bùi Hữu Nghĩa - Văn tế vợ). *Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành* (LVT c.120).” [tr.13]. “Bậu bạn, d. bầu bạn. *Trong mặt những mừng ơn bậu bạn* QATT b.99).” [tr.13].

+ Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện, 2010, “Từ điển từ Việt cổ”, Nxb Văn hóa - Thông tin: Không có từ “qua”. “Bậu 1. Anh, ông, ngài (đại từ nhân xưng, ngôi thứ hai), *Dân rằng lũ nó còn đây, Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành* (LVT). 2. Anh, em, bạn bè. Em bậu; Bậu bạn. Bạn hữu hôm sớm có nhau. *Vợ Tiên là Trục chị dâu, Chị dâu em bậu dám đâu lỗi nghề* (LVT). *Bậu bạn cùng nhau nghĩa chó vong* (QATT)”. [tr.23].

2.4. Đề xuất một cách hiểu về từ nguyên của “qua” và “bậu”

2.4.1. Về từ nguyên của “qua”

1) Như đã nêu, Lê Ngọc Trụ xác định từ nguyên của “qua” là tiếng Triều Châu. Nguyễn Văn Lợi cũng cho rằng “qua” là từ “mượn phương ngữ phía nam của Trung Quốc như vùng Quảng Đông, Phúc Kiến, từ những người Việt gốc Hoa chẳng hạn. Ý kiến này không được An Chi chấp nhận, bởi theo ông: “Những từ mượn của người Việt gốc Hoa thì xuất hiện muộn hơn”. Minh chứng của An Chi là từ “qua” đã được ghi nhận tại cột 615 trong Từ điển Việt Bồ La của A. de Rhodes từ năm 1651. Ý kiến Nguyễn Cung Thông: “Qua, dùng cho người trên nói với người dưới. Qua còn bảo lưu trong một số vùng ở Nam Bộ, khi các cộng đồng cư dân (Việt, Hoa, Khme...) đã ổn định đời sống ở vùng đất mới này. (...) Qua tương ứng với dạng [ua2] giọng triều Châu (Mân Nam) và ngã Hán Việt với các nét nghĩa tôi/ ta/ tao.”.

Theo quan sát của chúng tôi (BTN), Hội An ngày nay vẫn còn Hội quán Quảng Đông, Hội quán Triều Châu, Hội quán Phúc Kiến và phường Minh Hương, vốn là nơi người Hoa định cư đông đúc nhưng từ ngữ gốc Hoa không nhiều (chỉ một số ít như “cao lầu”, “mà chí phủ”...). Điều đó cho thấy, ở vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, ranh giới địa lý khởi đầu của phương ngữ Nam, tiếng Hoa Phúc Kiến, Quảng Đông không thâm nhập sâu rộng vào tiếng Việt của người bản thổ.

2) An Chi cho rằng “qua” được Việt - Mường mượn thẳng từ gốc Hán. Nhưng câu hỏi đáng được đặt ra ở đây là nếu nói “qua” trong tiếng Mường và “qua” trong tiếng Việt đều là từ Hán Việt và vay mượn từ khi chưa có sự chia tách Việt Mường là một luận cứ khó chứng minh được. Cũng như vậy dựa theo Vương Lộc, Nguyễn Trung Hiếu xác định “qua” trong tiếng Việt là từ “qua” trong tiếng Mường. Chúng tôi băn khoăn trước các ý kiến này vì những lẽ sau đây:

- Theo Nguyễn Tài Căn trong “Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt”: “Địa bàn cư trú ban đầu của cư dân nói tiếng Proto Việt - Chứt là vùng kéo dài từ khu vực miền núi Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị sang đến Trung Lào.” [1995, tr.319]. Nếu thế thì khó lòng có từ tiếng Hán được vay mượn từ thời Việt - Mường được. Nếu có vay mượn thì tại sao trong Từ điển phương ngữ Nghệ Tĩnh, hay trong bảng từ vựng phương ngữ Bình Trị Thiên không có từ này (xem thêm: Nguyễn Nhã Bản cb, 1999, Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh, Nxb VHTT; Võ Xuân Trang, 1997, Phương ngữ Bình Trị Thiên, Nxb KHXH). Cũng như vậy, tại sao khu vực liên cận với địa bàn Mường là đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa, Nghệ An, người Kinh không sử dụng từ “qua” trong khẩu ngữ cũng như trong văn chương? Ca dao đồng bằng Bắc Bộ không có từ “qua” (Xem thêm: Nguyễn Ngọc Lập, Nguyễn Thúy Nga, 2016, “Ca dao đồng bằng Bắc Bộ”, Nxb Văn học).

- Một khi vùng đồng bằng Bắc Bộ và vùng Thanh Nghệ không sử dụng từ “qua” thì từ “qua” ở Quảng Nam trở về từ đâu tới? Một cách nghĩ được thừa nhận lâu nay là người Quảng vốn từ các tỉnh phía Bắc và đông đảo nhất là lưu dân Thanh Nghệ Nam tiến. Vậy khi quê hương họ không có từ “qua” thì họ lấy đâu để sử dụng như chúng ta đã thấy?!

- Đồng thời, theo Nguyễn Văn Khang và cộng sự trong “Từ điển Mường - Việt” thì: “Qua”: chúng tôi (*chúng tao, chúng em, chúng tớ*), Qua tang ăn cơm. *Chúng tôi ăn cơm*. Qua cô pa tửa. *Chúng tôi có ba người*. [Nguyễn Văn Khang cb, 2002, tr.406]. Nếu từ tiếng Việt là “tôi” thì từ tiếng Mường phải là “ho”, [Nguyễn Văn Khang cb, 2002, tr.183]. Rõ ràng “qua” và “ho” khác nhau trên bình diện ngữ nghĩa - ngữ pháp (số nhiều/ số ít).

- Bên cạnh đó, đối chiếu với danh sách từ có nguồn gốc Việt - Mường đã được Vũ Đức Nghiệu xác định trong “Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt” [Vũ Đức Nghiệu, 2011, tr.52-105], chúng tôi không tìm thấy từ “qua” trong vốn từ cổ Việt - Mường này.

Nói cách khác, không đủ căn cứ để tin tưởng hoàn toàn vào giả thiết từ “qua” trong phương ngữ Trung, phương ngữ Nam có nguồn gốc từ từ “qua” của tiếng Mường bởi các lí do đã nêu.

3) Đại từ “qua” theo Bình Nguyên Lộc có nguồn gốc tiếng Mạ. Trong “Lột trần Việt ngữ”, nhà nghiên cứu này xác tín từ nguyên của “qua” là “tư” trong tiếng Mạ: “Qua - Ta còn dùng để tự xưng với vợ hoặc người yêu, hoặc em, chỉ có nghĩa là “Tôi” mà thôi.” [Bình Nguyên Lộc, 1972, tr.153]. Do ông không phân tích quan hệ ngữ âm giữa “qua” và “tư” nên khó kiểm chứng ý kiến này. Hơn nữa, nếu làm rõ được quan hệ ngữ âm giữa “qua” và “tư” thì vẫn còn một câu hỏi nữa, là con đường nào để một từ tiếng Mạ (Đông Nam bộ) lại có thể được sử dụng ở Quảng Nam, và ra tới Quảng Bình như câu ca dao “Răng chừ đá nổi lác lư - Lạch Ròn kia cạn, qua mới từ nghĩa em” như Lê Minh Quốc đã dẫn? Phải đến năm 1698, Chương cơ Nguyên Hữu Cảnh mới xác lập các đơn vị hành chính ở Nam Bộ. Trong khi trong Từ điển Việt - Bồ - La xuất bản năm 1651 đã có mặt từ “qua”. Quảng Nam đã từng là là chỗ đứng chân, là điểm tựa, là bàn đạp của quá trình Nam tiến, khả năng từ “qua” từ miền Nam, từ tiếng dân tộc Mạ thâm nhập trở lại Quảng Nam, trở lại phía bắc là điều không thể!

4) Một giả thuyết về ngữ nguyên của từ “qua”

Những cách hiểu đã nêu về từ nguyên của “qua”, như vừa phân tích, vẫn chưa thật thuyết phục. Vì thế chúng tôi đặt giả thiết “qua” là một từ tiếng Chăm: “kau” (“tôi”, “tao” tiếng Việt).

- Giúp cho chúng tôi tin rằng “qua” là một từ tiếng Chăm là thông tin về “Những từ thuộc nguồn gốc Nam Đảo” trong tiếng Việt từ công trình “Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt” của nhà ngôn ngữ học Vũ Đức Nghiệu. Trong đó Vũ Đức Nghiệu đã tìm đến mối liên hệ gần gũi về ngữ âm và ngữ nghĩa giữa từ “ta” trong tiếng Việt với một số từ gốc Nam Đảo. Theo đó: Ta (tiếng Việt) trong Proto Nam Đảo là (k)ita, trong tiếng Bahasa Indonesia là kita [Vũ Đức Nghiệu, 2011, tr.121]. Xét trong mối quan hệ đó, từ “qua” có sự gần gũi rõ rệt.

- Căn cứ thứ hai là địa bàn sử dụng từ “qua”. Có thể xác định từ “qua” có mặt trong phương ngữ Quảng Bình, trong phương ngữ Trung. Một minh chứng nhân chủng học: Trong bài báo “Làng cổ tích bên bờ sông Son và đặc sản thị xanh nấu với nhái bả”, (Vietnamnet.vn ngày 03/02/2022), tác giả Hải Sâm ghi nhận một sự thực lịch sử: “Nằm ở bờ nam sông Son, xã Mỹ Trạch gồm 2 làng cổ xưa là Cao Lao Thượng và Cao Lao Trung gộp lại mà thành. Mảnh đất này vốn là một trong những nơi người Chăm khai hoang lập đất trước đó hàng nghìn năm”. Nhưng địa bàn “qua” được sử dụng phổ

biến hơn, thậm chí trong cả cách chơi chữ (*Con gái La Qua, qua cầu qua véo, qua biểu em đừng có la qua*), là Quảng Nam, nhiều thế kỉ là trung tâm của vương quốc Champa. Hồ Trung Tú cho rằng từ "qua" mà Alexandre de Rhodes tập hợp trong từ điển Việt Bồ La là xuất phát từ Quảng Nam: "Khi Alexandre de Rhodes soạn bộ từ điển Việt Bồ La thì ông ở Đông Kinh (Hà Nội) (...). Thế nhưng những dấu vết tiếng Việt của người Quảng Nam vẫn còn khá nhiều mà hôm nay chúng ta có thể dễ dàng nhận ra chẳng mấy khó khăn: Tôi = tui, tao; Bán bao nhiêu = bán mấy; Qua = tôi" [Hồ Trung Tú, 2019, tr.160]. Từ quê hương Quảng Nam, "qua" theo con đường Nam tiến và trở thành một đơn vị từ vựng của phương ngữ Nam. Hồ Trung Tú đã có một nhận xét về giọng Quảng Nam và vị trí của tiếng Quảng Nam trong sự hình thành phương ngữ Nam: "Có thể chẳng giọng nói người Quảng Nam ngày nay chính là giọng nói của người Chăm các thế kỉ từ XIV đến XVII nói tiếng Việt và đã trở thành phương ngữ III (phương ngữ Nam) của tiếng Việt suốt từ đèo Hải Vân trở vào đến mũi Cà Mau?" [Hồ Trung Tú, 2019, tr.141].

- Căn cứ thứ ba: Trong phương ngữ Nam ngày nay, người lớn tuổi vẫn dùng lối xưng hô "qua - bâu". Cũng như vậy, trong ca dao bình dân Nam Bộ, trong truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu và trong tiểu thuyết Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX vẫn tồn tại lối xưng hô này.

- Căn cứ thứ tư là trục vị thế của nhân vật giao tiếp. Từ "qua" trong tiếng Việt và từ "kau" trong tiếng Chăm hoàn toàn tương thích về vai giao tiếp, vị thế giao tiếp.

Con đường hình thành từ "qua" trong phương ngữ Trung và trong phương ngữ Nam, theo thiên ý của chúng tôi là: $Kau > ka > qua$, là một từ tiếng Chăm được Việt hóa.

Trên trang Kauthara.info, 07/11/2017, trong bài "Nghĩa đúng từ "kau" trong tiếng Chăm", Putra Podam đã diễn giải: "Trong tiếng Chăm, "kau" là đại từ nhân xưng làm đại từ chủ ngữ cho ngôi thứ nhất. "Kau" trong tự điển Moussay, "Kau" được sử dụng mang nghĩa là "tao". Ví dụ *Kau aniai di hâ*: Tao trù mầy (...) Kau trong Tự điển Aymoiner, [Malay; Aku]: nghĩa là tôi, như *Tuanku*; Vua tôi, *Negararku*: Đất nước tôi, *Bangsaku*: Dân tộc tôi".

"Từ điển Chăm - Việt", Bùi Khánh Thế (cb), 1995: kou đ. Tao, ta. *Amaik kou*: Mẹ tao [Bùi Khánh Thế (cb), 1995, tr.110].

Từ điển "4650 từ Việt - Chăm thông dụng", Inrasara, 2013: "Tao, kau *lại đây tao bảo*, mai tani kau laic [Inrasara, 2013, tr.208].

Theo Bình Nguyên Lộc trong "Lột trần Việt ngữ": Từ "tôi", tiếng Việt toàn quốc là "tôi", "tao", tiếng Việt ở Quảng Bình là "tao", tiếng Chăm ở Bình Tuy là "cau", tiếng Ra đê là "kâu" [Bình Nguyên Lộc, 1972, tr.13 và 14].

Từ đó ta thấy "kau" tiếng Chăm và "tôi", "tao", "kau" tiếng Việt đều là đại từ xưng hô ngôi thứ nhất.

Nhưng làm thế nào để một âm tiết là "kau" /kǎu¹/, "kou" /kǝu¹/ có thể biến thành "qua" /kwa¹/?

Có những lí do chứng minh cho quá trình này:

Thứ nhất, có thể là do tính tự trị và khoảng cách địa lí trong các cộng đồng tộc người mà có hiện tượng biến thể ngữ âm. Ngay cả các ngôn ngữ thuộc nhánh Chamic cũng có hiện tượng biến dị, với người Chăm là "kau" /kǎu¹/, "kou" /kǝu¹/, trong khi với người Jrai là "kào", "Từ điển Việt - Jrai": "Tôi: kào. Tôi đang làm việc: *Káo hlak dō mǎ bruǎ*, [Romah Del, 1995, tr.365], với người Ê đê là "káo", "Từ điển Ê đê - Việt": "Káo: Tao, tôi, tớ, mình", [Tạ Văn Thông cb, 2015, tr.307]. Trong tiếng Katu, một dân tộc đã từng là thần dân của vương quốc Champa, "tôi, tao" là "aku". Như Bình Nguyên Lộc chỉ ra "aku" cũng là từ "tôi" trong tiếng Nam Dương (Indonesia): *Aku*, *ku* nghĩa là (của) tôi/ Nam Dương "Anak Aku" con nít của tôi." [Bình Nguyên Lộc, 1972, tr.53].

Thứ hai, ngay trên đất Quảng Nam, trong cách phát âm của người bản thổ đã xảy ra hiện tượng biến âm mà từ đó có thể hình dung được quá trình $kau > qua$. Theo suy luận của chúng tôi, lộ trình đó có thể diễn ra qua hai bước, (1) $kau > ka$, (2) $ka > qua$.

Bước 1: $Kau > ka$, /kǎu¹/ > /ka¹/ (do ã thành a, mất bán nguyên âm cuối). Có thể lúc đầu nghe người Chăm nói, người Việt nói theo cũng phát âm là /kǎu¹/, /kǝw¹/, nhưng rồi họ sẽ chọn cách phát âm của mình là /ka¹/, Lỗi phát âm vẫn "au" thành "a" ở Quảng Nam đã được Cao Xuân Hạo phát hiện

khi ông khảo sát tại một vùng dân cư phía Đông thành phố Hội An. Trong những ngữ liệu ông cung cấp có các ví dụ "Chảy máu- chả má"; "Đầu đầu - đa đào"; "bãi sau - bữa sa"; "Mai sau - mưa sa"; "Cháo rau - chó ra". [Cao Xuân Hạo, 1998, tr.130]. Giống như "máu" thành "má", /mẫu⁵/ > /ma⁵/, ta có "kau" thành "ka", /kău¹/ > /ka¹/.

Bước 2: Ka > qua, /ka¹/ > /kwa¹/ (thêm âm đệm đứng trước nguyên âm a).

Hiện tượng thêm âm đệm vào trước nguyên âm /a/ đã được Hồ Trung Tú phát hiện với ví dụ: "Cha ơi cha, anh Ba ảnh câu con cá, ảnh để trên hòn đá, con gà hén ăn" được phát âm thành "Choa ơi choa, anh Boa ảnh câu con cóa, ảnh để trên hòn đoá, con gò hén en." [Hồ Trung Tú, 2019, tr. 132]. Giống như "cha" thành "choa" /ca¹/ > /cwa¹/, ("ba" thành "boa", "gà" thành "gò"), ta có "ka" (ca) thành "qua", /ka¹/ > /kwa¹/.

2.4.2. Về từ nguyên của từ "bậu"

Trở lại với các ý kiến về từ nguyên của từ "bậu":

a) Trong đó, ý kiến "bậu" là từ ngữ cổ Việt còn giữ lại trong tiếng nói người Mạ là một phát hiện khác biệt. Theo Nguyễn Trung Hiếu đây là sự kiến giải của Bình Nguyên Lộc trong "Lột trần Việt ngữ". Theo chỗ chúng tôi biết, trong "Lột trần Việt ngữ", ở trang 153, nhằm chứng minh cho quan điểm về nguồn gốc Mã Lai của người Việt mà Bình Nguyên Lộc có cách suy luận của riêng ông về khá nhiều đơn vị từ vựng. Trong bài này, chúng tôi không có chủ ý thảo luận về quan điểm của Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Trung Hiếu mà chỉ nhắc lại một điều băn khoăn: Liệu một đơn vị từ vựng của người Mạ, miền Đông Nam Bộ, trong không gian sinh tồn của hàng ngàn năm trước, có thể ngược ra Bắc thâm nhập vào tiếng Việt - Mường, tiếng Tày - Thái không ?

b) Ý kiến của Nguyễn Cung Thông: "Bậu" có nguồn gốc từ tiếng Tày - Nùng, được ông đặt trong phần chú thích như một sự liên hệ mở rộng, chứ không phải là mục từ dành riêng cho "bậu", nên chúng tôi không thảo luận.

Riêng Nguyễn Văn Trần dựa theo Nguyễn Hy Vọng và suy đoán mà chưa đặt từ "bậu" trong tất cả các mối quan hệ dân tộc - ngôn ngữ và nguồn gốc tiếng Việt. Thực tế cho thấy, trong văn chương của Nguyễn Trãi đã có từ "bậu bạn", nghĩa là tiếng Việt thế kỉ XV đã có hình tiết "bậu". Cũng như vậy Nguyễn Văn Trần chưa quan tâm từ "pẩu" (họ, người ta, ngôi thứ ba số nhiều) trong tiếng Mường. Đồng thời, khi tác giả viết: "Còn tiếng "phậu" theo người Miên, theo quân Xiêm La vào miền Nam tạo thành tiếng "bậu" trong Nam Kỳ." thì có lẽ ông chưa để tâm tới từ "bậu" trong ca dao Quảng Bình, ca dao Quảng Nam.

c) Đáng được lưu tâm nhất là ý kiến "bậu" có nguồn gốc từ tiếng Mường và tiếng Tày- Nùng. Tác giả Nguyễn Trung Hiếu đã nêu rõ quan điểm "qua", "bậu" là từ vựng của lưu dân mang đến phương Nam khi ông đặt "tít" bài báo: "Qua, bậu - dấu ấn lưu dân" (laodongonline ngày 09/11/2012). Cũng trong bài báo đã dẫn, Nguyễn Trung Hiếu viết: "Còn với từ "bậu" thì cuốn từ điển này ("Từ điển từ cổ" của Vương Lộc, BTN chủ) cũng cho rằng đó là tiếng của người Mường và Tày - Nùng, (pậu) = người ta, chúng nó. Từ người con trai gọi vợ, gọi người yêu hoặc người ít tuổi hơn mình". Chúng tôi nghĩ rằng, tên sách "Từ điển từ cổ" đã minh định, người soạn chỉ chú ý tiêu chí thời gian sử dụng, không nhằm biện luận về từ nguyên nên Vương Lộc dẫn cả từ tương tự với "bậu" trong tiếng Mường và tiếng Tày - Thái. Có thể hiểu được cách làm này khi mà trong tiếng Việt hiện đại tồn tại một vốn từ vựng Tày - Thái không nhỏ bên cạnh từ vựng Việt - Mường cổ.

Một điều có thể khiến người đọc băn khoăn là ngữ nghĩa, là đối tượng biểu thị của "pậu" và "bậu". Nếu xét theo nghĩa từ điển thì trong tiếng Mường: Pẩu: họ, người ta, [Nguyễn Văn Khang cb, 2002, tr.373]; Da: từ xưng hô ngôi thứ hai (mày, anh, chị, bác, em...), [Nguyễn Văn Khang cb, 2002, tr.125]. Đồng nghĩa với "bậu" trong tiếng Việt phải là "da" của tiếng Mường. Nếu cho rằng "bậu" trong tiếng Việt với "pẩu" trong tiếng Mường là một thì từ "pẩu" đến "bậu" đã có sự thay đổi về đối tượng biểu thị, từ tư cách từ xưng hô ngôi thứ ba sang ngôi thứ hai, số nhiều sang số ít. Cũng như vậy, trong tiếng Tày - Nùng thì "Pậu₁ 1. người ta, họ. Chắc kin dú đuổi pậu: biết ăn ở với người ta. (...). 2. tôi. Pậu cạ pậu hết đây: Tôi bảo là tôi làm được mà. Pậu₂ 1. bạn (...). 2. Phù dẫu, phù rẻ 3. Đưa, kèm 4. Giữ, cầm [Hoàng Văn Ma và cộng sự, 2006, tr.307, 308]. Như đã thấy, "pậu" có thể là ngôi 1, có thể là ngôi 3 hoặc là danh từ thân tộc, không phải là ngôi 2 như "bậu" trong phương ngữ

Trung, phương ngữ Nam! Như vậy, nếu cho rằng từ “bậu” là từ Việt - Mường hay từ Tày - Nùng đều có những khía cạnh chưa thật ổn thỏa!

Tuy nhiên điều này vẫn có thể hình dung được. Bởi lẽ, quá trình quần cư và hợp dung hình thành dân tộc, lãnh thổ và mối quan hệ liên cận Việt - Mường, Tày - Thái cho ta tin rằng quan niệm “bậu” là từ Việt - Mường có quan hệ với ngôn ngữ Tày - Thái có hạt nhân hợp lí của nó. Nhất là khi trong “Quốc âm thi tập” của Nguyễn Trãi có từ “bậu bạn”, như ở các bài “Thuật hứng”, “Tự thán”. Hơn nữa, trong thực tế vay mượn Hán ngữ chẳng hạn, vẫn tồn tại hiện tượng mở rộng hay thu hẹp nghĩa. Đồng thời, cũng trong tiếng Việt vẫn có hiện tượng đổi ngôi như trường hợp “mình” và “ta”,...

Đến đây lại có một câu hỏi đáng được đặt ra là Việt - Mường và Tày - Thái nằm trong hai họ ngôn ngữ khác nhau, nên nếu tiếng Việt có vay mượn thì vay mượn của ai? Điều này có thể kiến giải bằng hiện tượng pha trộn từ vựng giữa các ngôn ngữ có cùng địa bàn tồn tại, như ý kiến dưới đây của Phan Ngọc: “Như chúng ta đã thấy ở mục 6, với những ngôn ngữ Đông Nam Á khi không có hệ biến hóa hình thái, khi cú pháp chỉ dựa vào hư từ và trật tự các từ, ngay những người đơn ngữ luận cũng chấp nhận có thể có hiện tượng ngôn ngữ pha trộn. (...) Điều không ai phủ nhận được là ngay ở cái vốn từ cơ bản của bất cứ ngôn ngữ nào ở vùng này cũng đầy những từ pha trộn”. [Phan Ngọc, Phạm Đức Dương, 2011, tr.66].

d) Một giả thuyết về ngữ nguyên của từ “bậu”

Trước những điều băn khoăn ấy, chúng tôi phải tìm đến ngọn nguồn xa hơn của “bậu”.

Từ công trình “A Mon - Khmer Comparative Dictionary” của Harry Shorto (The Australian National University, Canberra, 2006), Vũ Đức Nghiệu đã tái hiện dạng phục nguyên Proto Mon - Khmer của hàng loạt đơn vị từ vựng. Theo đó, dạng phục nguyên Proto Môn- Khme của “bậu” (bạn) là b[oo]ʔ [Vũ Đức Nghiệu, 2011, tr.74]. Như vậy, mặc dù, b[oo]ʔ là dạng tái lập thì ít nhất nó cũng là một căn cứ để xác nhận “bậu” là một đơn vị từ vựng Proto Môn- Khme, có mặt trước thời Proto Việt - Mường. Để sáng tỏ hơn, có thể tham khảo ý kiến của Phạm Đức Dương khi phân tích về cơ tầng Mon - Khmer và cơ chế Đồng - Thái: “Trong những thiên niên kỉ tiếp theo ở đây lại diễn ra những quá trình hội tụ và phân hóa dân tộc, ngôn ngữ, văn hóa dẫn đến sự hình thành những phức hợp văn hóa mới kiểu Đông Sơn và hình thành những nhóm ngôn ngữ mới: nhóm Việt - Mường là kết quả của sự tiếp xúc của một bộ phận cư dân Môn - Khome với một bộ phận cư dân Đồng Thái, nhóm Chăm: một bộ phận Mã Lai vùng hải đảo tiếp xúc với cư dân Môn - Khome” [Phan Ngọc, Phạm Đức Dương, 2011, tr.94].

Theo Phan Ngọc: “Maspéro xem tiếng Việt là một ngôn ngữ pha trộn gồm ba yếu tố: Thái, Môn - Khome và một yếu tố chưa biết được, theo chúng tôi nghĩ ông ta muốn nói đến yếu tố Nam Đảo” [Phan Ngọc, Phạm Đức Dương, 2011, tr.66]. Dựa theo ý kiến của H. Maspéro có thể nghĩ rằng dấu “bậu” có trong vốn từ Việt - Mường và Tày - Thái, nhưng xa hơn phải là một đơn vị từ vựng gốc gác Proto Mon- Khmer.

3. Kết luận

Trở lại với từ nguyên của “qua” qua 4 khả năng: từ vựng tiếng Mường (Việt - Mường), từ vựng tiếng Mạ, từ vựng Triều Châu, từ vựng Chăm, chúng tôi đã kiến giải lí do khả dĩ của trường hợp thứ tư! Phải đến Quảng Nam trở vào “qua” mới thật sự được sử dụng rộng rãi, cũng không theo nghĩa ngôi thứ ba hay ngôi thứ nhất chung chung mà đã thu hẹp vào trường hợp nam nói với nữ. Do đó chúng tôi coi “qua” là một từ tiếng Chăm như đã phân tích.

Trong khi đó, đối với từ “bậu”, một điều phải khẳng định là trong tiếng Việt thế kỉ XV đã có hình tiết này. Đồng thời, chúng tôi cũng ghi nhận sự tương tự của “bậu” trong tiếng Việt với các từ tương ứng trong tiếng Mường và tiếng Tày - Thái như một số tác giả đã nêu. Tuy nhiên, để tránh những điều bất cập như đã phân tích, chúng tôi tìm đến hình tiết b[oo]ʔ của nó trong tiếng Proto Mon- Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Châu (2009), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội.

3. Trần Trí Dõi (2011), *Giáo trình Lịch sử tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Romah Del (1995), *Từ điển Việt - Jrai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
5. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Gerard Moussay và cộng sự (1971), *Từ điển Chăm - Việt - Pháp*, Trung tâm Văn hóa Chăm xuất bản, Phan Rang.
7. Inrasara (2013), *4650 từ Việt - Chăm thông dụng*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ TP HCM, Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Văn Khang cb (2002), *Từ điển Mường - Việt* Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
9. Bình Nguyên Lộc (1972), *Lột trần Việt ngữ*, Nxb Nguồn xưa, Sài Gòn.
10. Hoàng Văn Ma và cộng sự (2006), *Từ điển Tày, Nùng - Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
11. Vũ Đức Nghiệu (2011), *Lược khảo từ vựng tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
12. Phan Ngọc, Phạm Đức Dương (2011), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Bùi Khánh Thế cb (1995), *Từ điển Chăm - Việt*, Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
14. Tạ Văn Thông cb (2015), *Từ điển Ê đê - Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
15. Hồ Trung Tú (2019), *Có 500 năm như thế*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

The etymology of “Qua” and “Bau” in central and Southern dialects

Abstract: The article gathers viewpoints on the semantics and etymology of the two words "qua" and "bau" from popular and scientific articles across the following aspects: the scope of communication; linguistic styles and functions of the words "qua" and "bau"; the geographical areas where the words "qua" and "bau" are used; the current meanings and the parts of speech of the words "qua" and "bau"; and the etymology of the word "qua" and the word "bau". Next, the article surveys the information related to these two words in explanatory dictionaries, dialect dictionaries, ancient language dictionaries, and concordance/contrastive dictionaries, etc. in order to classify highly reliable viewpoints from linguists. Based on the multi-faceted and multi-dimensional information, the article presents the author's viewpoints on the etymology of the words "qua" and "bau" in Central and Southern dialects. The author understands that the words "qua" and "bau" are almost only present in the Central and Southern dialects, and mainly in Quang Nam - Da Nang and southward; and at the same time firmly believes that “qua” is likely to have been Vietnamese-ized from the Cham word "kau" (meaning "I", "me"), while “bau” is an ancient word originated from pre-Mon-Khmer language.

Key words: etymology; qua; bau; Central dialects; Southern dialects.